

BÁO CÁO CẬP NHẬT VĨ MÔ
Tháng 09/2026

THUẾ QUAN THEO MỤC 301
VÀ CÁC TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI VIỆT NAM

Phòng Phân tích & Chiến lược thị trường
acbs_phantich@acbs.com.vn

THUẾ QUAN THEO MỤC 301 VÀ CÁC TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI VIỆT NAM

- **Năm 2026 chứng kiến sự chuyển dịch về cơ sở pháp lý trong chính sách thuế quan của Mỹ, song định hướng chiến lược cốt lõi vẫn không hoàn toàn thay đổi.** Việc Tối cao Pháp viện bác bỏ việc sử dụng Luật Quyền lực Kinh tế Khẩn cấp Quốc tế (IEEPA) làm căn cứ áp thuế khẩn cấp đã buộc Mỹ phải áp dụng Điều 122 như một giải pháp quá độ trong 150 ngày. Ngay sau đó, Cơ quan Đại diện Thương mại Mỹ (USTR) đã chủ động khởi xướng các vụ việc riêng biệt theo Mục 301 dựa trên các hồ sơ chứng cứ hành chính độc lập.
- **Cách tiếp cận theo từng hồ sơ riêng biệt này đặt ra thách thức lớn với Việt Nam** khi các động thái pháp lý liên quan đến lao động cưỡng bức, điều tra dư thừa công suất và vụ sở hữu trí tuệ có thể được đàm phán, điều chỉnh hoặc tranh tụng độc lập. Việc đạt được miễn trừ hay nói lỏng ở một quy trình tố tụng đơn lẻ sẽ không giúp khép lại các vụ việc còn lại. Bối cảnh này càng trở nên phức tạp khi Mỹ vẫn duy trì khả năng áp dụng song song Mục 232, các biện pháp tự vệ và các công cụ phòng vệ thương mại thông thường bên cạnh Mục 301.
- **Mức thuế 12,5% liên quan đến lao động cưỡng bức có hiệu lực từ ngày 24/07 tuy đáng chú ý nhưng phạm vi tác động thực tế hẹp hơn so với những gì bản thân con số thể hiện.** Nhiều dòng sản phẩm công nghệ chủ chốt và các mặt hàng đã thuộc một số biện pháp Mục 232 được miễn trừ, khiến gánh nặng trực tiếp tập trung nhiều hơn vào dệt may, giày dép, túi xách, đồ chơi, thủy sản và một số nhóm hàng tiêu dùng. Vị thế của Việt Nam cũng tương đối bất lợi hơn Bangladesh, Campuchia, Indonesia và Malaysia — các quốc gia được áp mức 10% và có cơ chế hạn ngạch thuế quan (TRQ) đối với hàng dệt may nhờ gắn liền với nguồn nguyên liệu đầu vào từ Mỹ.
- **Bức tranh thực tế đằng sau con số tăng trưởng xuất khẩu lại có phần kém lạc quan hơn.** Trong 8T2026, xuất khẩu tăng 22,4% lên 374,84 tỷ USD, nhưng nhập khẩu tăng tới 35,3% lên 395,30 tỷ USD, khiến cán cân thương mại chuyển từ thặng dư 14,02 tỷ USD cùng kỳ năm trước sang thâm hụt 20,46 tỷ USD. Cùng kỳ, thặng dư của khu vực FDI giảm từ 32,07 tỷ USD xuống 10,14 tỷ USD, trong khi thâm hụt của khu vực trong nước tăng từ 18,08 tỷ USD lên 30,60 tỷ USD. Nói cách khác, chu kỳ hiện tại chủ yếu do công nghệ và khu vực FDI dẫn dắt, trong khi nhóm sản xuất trong nước, thâm dụng lao động yếu hơn đáng kể.
- **Do đó, rủi ro chính sách tiếp theo không nằm ở bản thân các mức thuế hiện tại, mà dự kiến sẽ tác động trực tiếp đến cấu trúc hoạt động sản xuất tại Việt Nam.** Trong 12 tháng gần nhất tính đến tháng 8/2026, Việt Nam nhập khoảng 78,7 tỷ USD hàng điện tử từ Trung Quốc và xuất khoảng 54,7 tỷ USD hàng điện tử sang Hoa Kỳ; hai dòng chảy này lần lượt tăng khoảng 73% và 62% so với 12 tháng trước. Nhóm hàng máy móc cũng ghi nhận xu hướng tương tự với tốc độ chậm hơn. Đây là các hành lang thương mại cốt lõi tạo nên thành công công nghiệp của Việt Nam, nhưng đồng thời cũng là trọng tâm trong chiến dịch siết chặt quy tắc xuất xứ của Mỹ. Lợi thế cạnh tranh bền vững của Việt Nam phải đến từ năng lực chuyển hóa giá trị thực tế, gia tăng tỷ lệ nội địa hóa và chuỗi cung ứng minh bạch có thể kiểm toán — thay vì chỉ phụ thuộc vào công đoạn lắp ráp cuối cùng.

ĐIỂM NHẤN CHÍNH

Mục 301, kiểm soát xuất xứ và cơ chế lan truyền

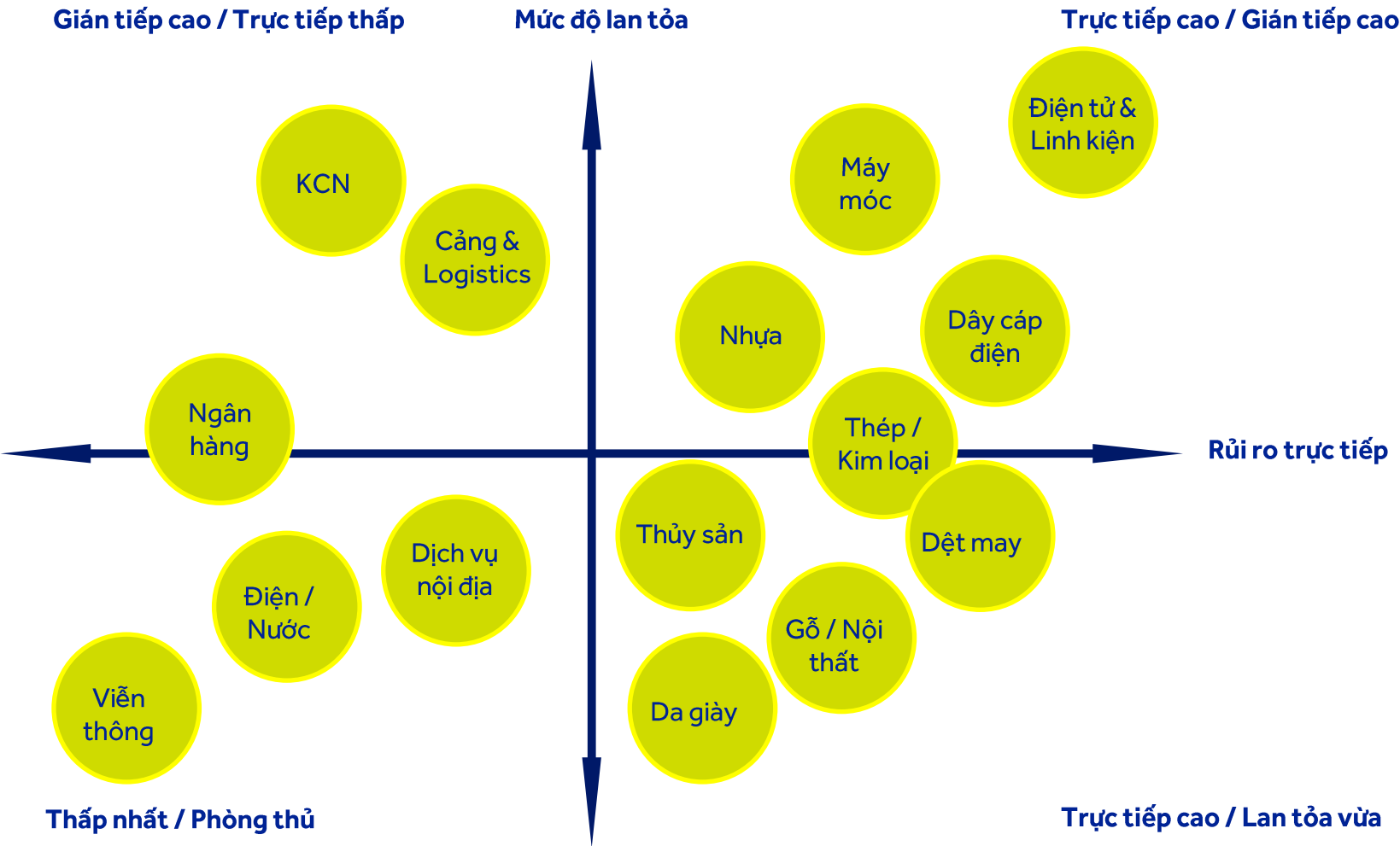
- Thuế nhập khẩu liên quan đến lao động cưỡng bức tạo ra chi phí gia tăng tập trung lên các doanh nghiệp xuất khẩu thâm dụng lao động. Tuy nhiên, động thái điều tra dư thừa năng lực sản xuất (chưa có kết luận) mới là công cụ có nguy cơ thách thức trực tiếp mô hình sản xuất do nhóm FDI dẫn dắt trên diện rộng.

RỦI RO NẪM Ở CẤU TRÚC NGÀNH, KHÔNG PHẢI TOÀN THỊ TRƯỜNG

Thương chiến

Tác động trực tiếp tập trung ở nhóm ngành truyền thống và có tỉ trọng thâm dụng lao động cao của Việt Nam.

- Việt Nam hiện ghi nhận mức thuế 12,5% theo điều khoản sử dụng lao động cưỡng bức của Mục 301 song cuộc điều tra dư thừa công suất vẫn chưa có kết luận cuối cùng tính đến ngày 14/09.
- Mức thuế đã thực thi hiện chưa đủ cơ sở để tạo sức ép lên đà tăng trưởng chung của nền kinh tế. Tác động trực tiếp vẫn tập trung ở một số nhóm ngành và khối công nghệ vốn đang thuộc danh sách được miễn trừ. Rủi ro nằm ở khả năng biện pháp hiện tại trở thành động thái đầu tiên của một chế độ thực thi rộng hơn trong bối cảnh tăng trưởng Việt Nam ngày càng phụ thuộc vào sản xuất FDI có cường độ nhập khẩu cao.
- Vì vậy, điều quan trọng nhất không phải thêm một thay đổi nhỏ ở mức thuế, mà là liệu USTR có bắt đầu đánh thuế hoặc hạn chế cấu trúc sản xuất nổi đầu vào châu Á – sản xuất tại Việt Nam – cầu cuối cùng tại Hoa Kỳ hay không.



CƠ SỞ PHÁP LÝ THAY ĐỔI TRONG KHI CHIẾN LƯỢC ĐƯỢC TÁCH THÀNH NHIỀU CÔNG CỤ ĐỘC LẬP

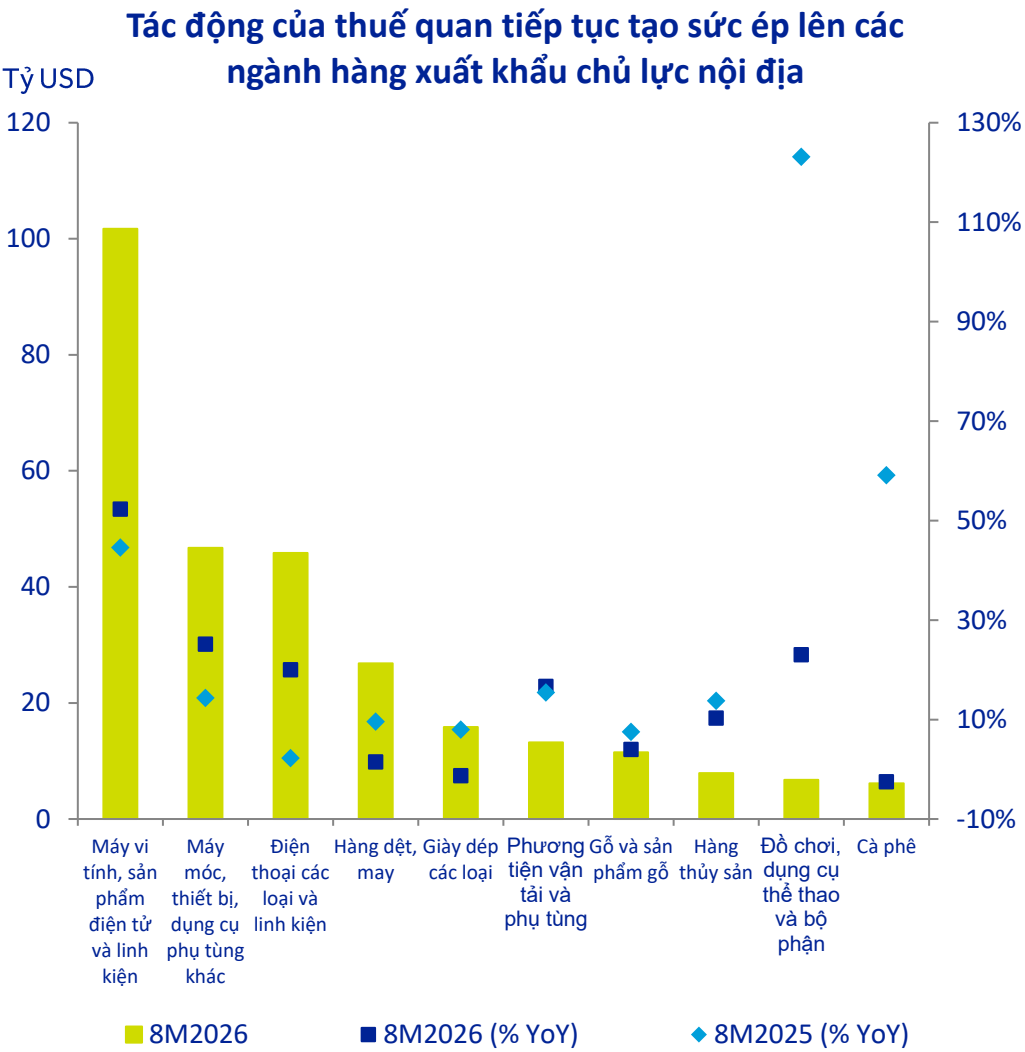


MA TRẬN THUẾ QUAN

Thời điểm	Động thái pháp lý	Mục tiêu
20/2	Thuế dựa trên IEEPA bị vô hiệu hóa	Con đường áp thuế khẩn cấp diện rộng bị chặn.
24/2 – 24/7	Phụ thuế theo Mục 122	Cầu nối có thời hạn giúp duy trì đòn bẩy đàm phán.
Từ tháng 03/2026	Các vụ điều tra Mục 301 riêng biệt	Thực tiễn của từng quốc gia được đánh giá trên hồ sơ và biện pháp khắc phục độc lập.

- **Diễn biến pháp lý chính nằm ở chuỗi chuyển tiếp từ Luật IEEPA sang Điều 122 và cuối cùng là Mục 301.** Vào ngày 20/02, Tòa án Tối cao Mỹ vô hiệu hóa cơ chế áp thuế dựa trên IEEPA. Nhằm duy trì sức ép thương mại, chính quyền Mỹ lập tức phản ứng bằng việc áp thuế phụ thu nhập khẩu 10% theo Điều 122 từ ngày 24/02, tận dụng tối đa khung thời hạn 150 ngày theo luật định. Nấc thang "quá độ" này đã duy trì trạng thái áp lực liên tục, tạo khoảng thời gian vùng đệm cần thiết để USTR xây dựng các hồ sơ tố tụng theo từng quốc gia và hành vi cụ thể với chứng cứ hành chính chặt chẽ hơn.
- **Trong chiến lược hậu IEEPA, Mục 301 trở thành công cụ tối ưu nhờ sự kết hợp giữa thẩm quyền xử lý linh hoạt và một quy trình pháp lý chuẩn hóa:** từ điều tra, tham vấn, phân xử đến ban hành biện pháp trừng phạt đối với các hành vi bị xác định là vô lý, bất bình đẳng, phân biệt đối xử hoặc gây gánh nặng cho thương mại Mỹ. Trong đó, tiến trình xử lý vấn đề lao động cưỡng bức được xem là mô hình thử nghiệm hiệu quả: bắt đầu từ tháng 3, đi qua các vòng tham vấn và lấy ý kiến công chúng, rồi kết thúc bằng biện pháp đối với 60 nền kinh tế trong tháng 7. Điều khoản quy định từng biện pháp có hiệu lực độc lập được thiết kế có chủ đích, nhằm giảm rủi ro một vụ kiện thành công có thể làm sụp đổ toàn bộ khung thuế quan.
- **Mục 301 là công cụ trung tâm, nhưng không phải công cụ duy nhất:**
 - **Washington vẫn duy trì một hệ thống công cụ thương mại nhiều lớp.** Mục 232 nhắm tới các ngành liên quan đến an ninh quốc gia như thép, nhôm, ô tô, đồng, gỗ và bán dẫn. Biện pháp tự vệ theo Mục 201 xử lý thiệt hại do nhập khẩu mà không cần xác định hành vi thương mại không công bằng. Thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp được áp dụng ở cấp sản phẩm và nhà sản xuất, trong khi Mục 338 vẫn có thể được sử dụng để phản ứng với hành vi đối xử phân biệt. **Với Việt Nam, điều này có nghĩa một sản phẩm có thể lần lượt rơi vào các kênh pháp lý khác nhau theo thời gian; được miễn trong vụ lao động cưỡng bức không đồng nghĩa sẽ được miễn trong một vụ dư thừa công suất, an ninh quốc gia hay phòng vệ thương mại sau đó.**
 - **Mục tiêu nền tảng do đó được hiểu là tái công nghiệp hóa có chọn lọc kết hợp tạo đòn bẩy địa kinh tế, thay vì đưa toàn bộ hoạt động sản xuất trở lại Hoa Kỳ.** USTR đã gắn điều tra dư thừa công suất với các chuỗi cung ứng trọng yếu và việc làm sản xuất tại Hoa Kỳ; trong khi đó, các miễn trừ của vụ lao động cưỡng bức lại bảo vệ nhiều đầu vào công nghệ mà nếu bị gián đoạn sẽ làm tăng chi phí ngay trong nền kinh tế Mỹ. Vì vậy, phép thử thực tế đối với Việt Nam sẽ là liệu hoạt động sản xuất có giảm phụ thuộc vào Trung Quốc, tạo ra giá trị trong nước có thể kiểm chứng, tuân thủ tiêu chuẩn lao động và sở hữu trí tuệ, đồng thời phù hợp hơn với định hướng nguồn cung hoặc mục tiêu tiếp cận thị trường mà Hoa Kỳ ưu tiên hay không.
- **Ba động thái, ba kênh truyền dẫn:** Biện pháp về lao động cưỡng bức làm thay đổi tương quan giá trong ngắn hạn. Dư thừa công suất có thể mở rộng sang máy móc, thiết bị điện, kim loại, nhựa và một số sản phẩm công nghệ, từ đó liên kết rủi ro thuế quan với FDI và cán cân vãng lai. Sở hữu trí tuệ tiến triển chậm hơn nhưng tạo đòn bẩy đàm phán về thực thi, kiểm soát hàng giả, bản quyền và quy định công nghệ. Điểm chung của ba động thái do đó không nằm ở một mức thuế duy nhất, mà ở sự chuyển dịch bền vững sang gây sức ép theo từng hành vi và từng hồ sơ cụ thể.

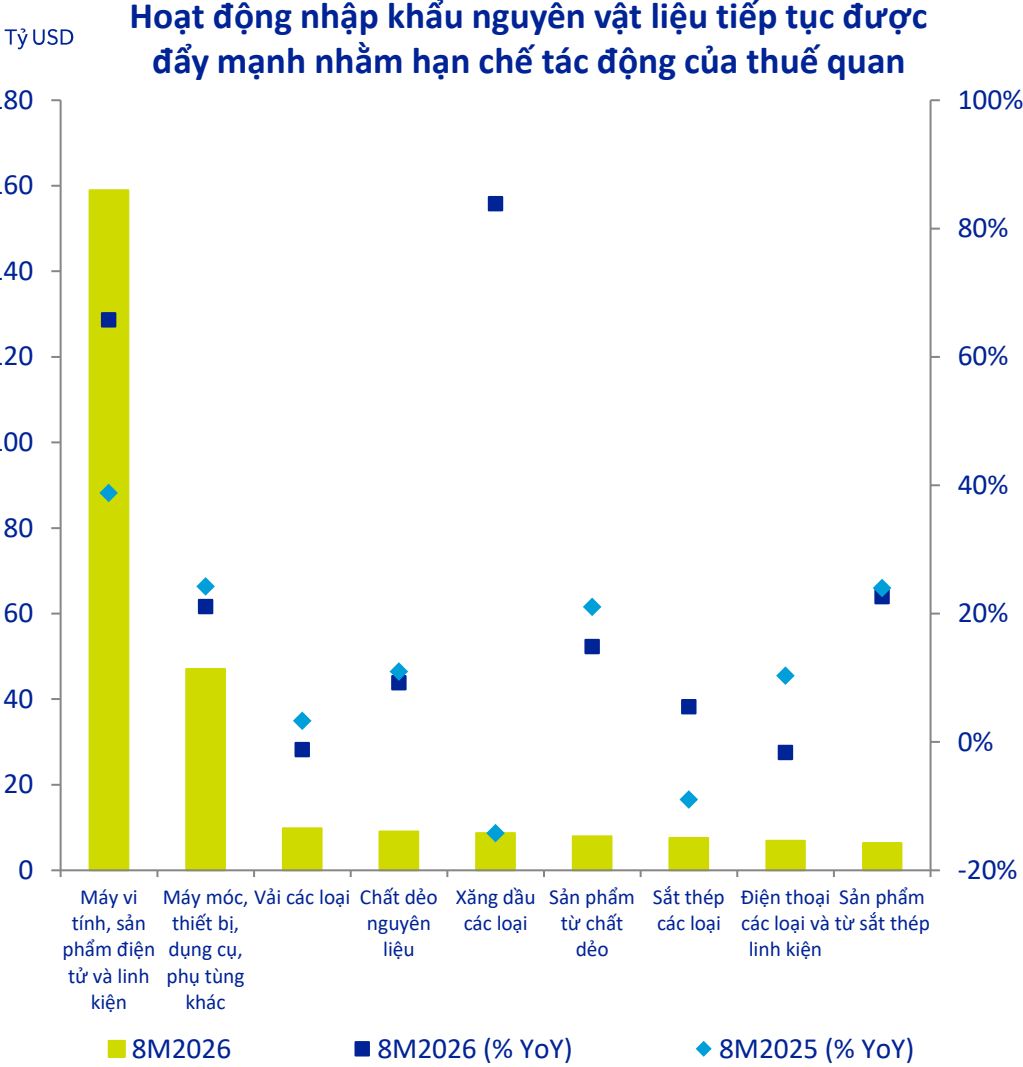
MỨC THUẾ 12,5%: TÁC ĐỘNG VÀO MỘT SỐ NHÓM HÀNG, KHÔNG DÀN TRẢI TOÀN NỀN KINH TẾ



- Sau khi áp dụng các danh mục miễn trừ đã công bố, hàng hóa thuộc diện chịu thuế sẽ phải trả mức thuế thông thường cộng thêm 12,5 điểm phần trăm kể từ ngày 24/7/2026. Mức thuế này không áp dụng đồng đều lên toàn bộ 122 tỷ USD hàng Việt Nam xuất sang Hoa Kỳ trong 8T2026. Nhiều dòng sản phẩm quan trọng như máy tính và linh kiện máy tính, thiết bị sản xuất bán dẫn, điện thoại thông minh, một số thiết bị truyền dữ liệu, linh kiện bán dẫn và vi mạch tích hợp nằm trong diện miễn trừ. Các sản phẩm đã thuộc một số biện pháp Mục 232 cũng được loại khỏi biện pháp Mục 301 này.
- Cấu trúc phân loại sản phẩm này đã tạo ra sự phân hóa rõ rệt giữa tổng quy mô thương mại chịu rủi ro trên lý thuyết và mức độ tác động thực tế trong ngắn hạn. Điện tử và điện thoại có doanh số rất lớn tại Hoa Kỳ nhưng mức chịu thuế trực tiếp theo vụ lao động cưỡng bức thấp hơn nhiều so với quy mô xuất khẩu. Ngược lại, dệt may, giày dép, túi xách, đồ chơi và phần lớn thủy sản có ít lớp bảo vệ hơn và đối mặt với cú sốc giá rõ hơn. Vị thế của Việt Nam so với các đối thủ trong khu vực đồng thời đặt ra nhiều thách thức: Bangladesh, Campuchia, Indonesia và Malaysia chỉ chịu mức thuế 10% cùng cơ chế hạn ngạch thuế quan (TRQ) kéo dài 3 năm cho ngành dệt may gắn liền với nguồn nguyên liệu đầu vào từ Mỹ. Việt Nam hoàn toàn không nhận được bất kỳ ưu đãi nào trong hai cơ chế này.
- Chu kỳ kinh doanh theo ngành càng làm rõ sự bất cân xứng của đợt áp thuế. Xuất khẩu điện tử tăng 51%, máy móc tăng 26% và điện thoại tăng 19% trong 8T2026, trong khi dệt may và giày dép cộng lại chỉ tăng khoảng 1,3%. Vì vậy, biện pháp hiện tại đang tập trung vào những ngành vốn đã đứng ngoài nhịp tăng tốc xuất khẩu. Đây cũng là các ngành có cường độ sử dụng lao động trong nước cao hơn và mức độ hiện diện của doanh nghiệp niêm yết rõ hơn so với khối công nghệ có vốn đầu tư nước ngoài.
- Tác động trước mắt nhiều khả năng vẫn được kiểm soát, bởi các nhóm xuất khẩu tăng nhanh nhất vẫn giữ được phạm vi miễn trừ lớn và chi phí thuế tại Hoa Kỳ sẽ được phân bổ giữa nhà nhập khẩu, nhà bán lẻ, người tiêu dùng và nhà cung cấp. Ở cấp độ nền kinh tế, biện pháp hiện tại chủ yếu tạo ra sự phân hóa về lợi nhuận, việc làm và đơn hàng. Rủi ro chỉ chuyển thành vấn đề tăng trưởng diện rộng nếu sản xuất thâm dụng lao động suy yếu đúng lúc vụ điều tra đang chờ kết luận bắt đầu tác động tới trụ cột công nghiệp do khu vực FDI dẫn dắt.

Nguồn: Tổng cục Thống kê

VIỆC XUẤT KHẨU TĂNG TRƯỞNG MẠNH MẸ PHẦN NÀO LÀM MỜ ĐI SỰ SUY YẾU TRONG CƠ CẤU THƯƠNG MẠI

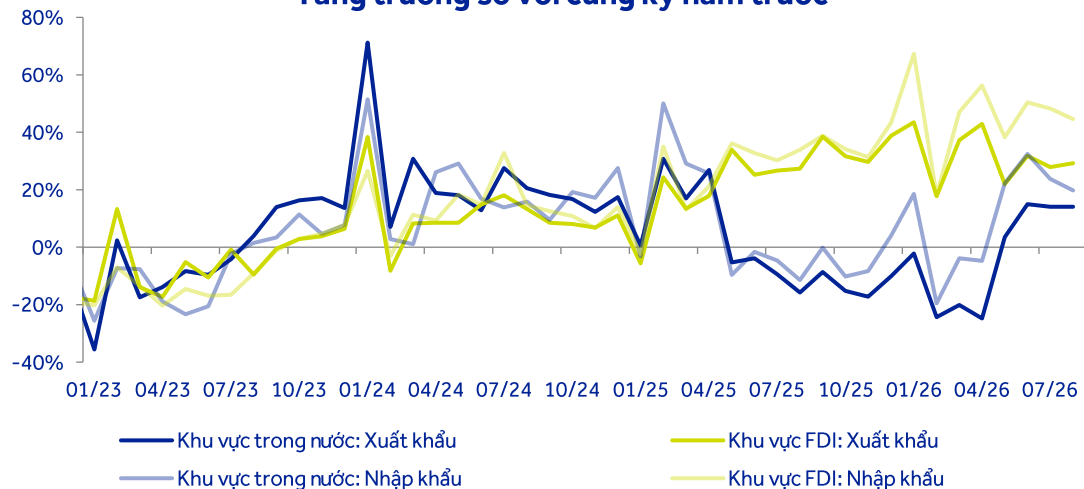


Nguồn: Tổng cục Thống kê

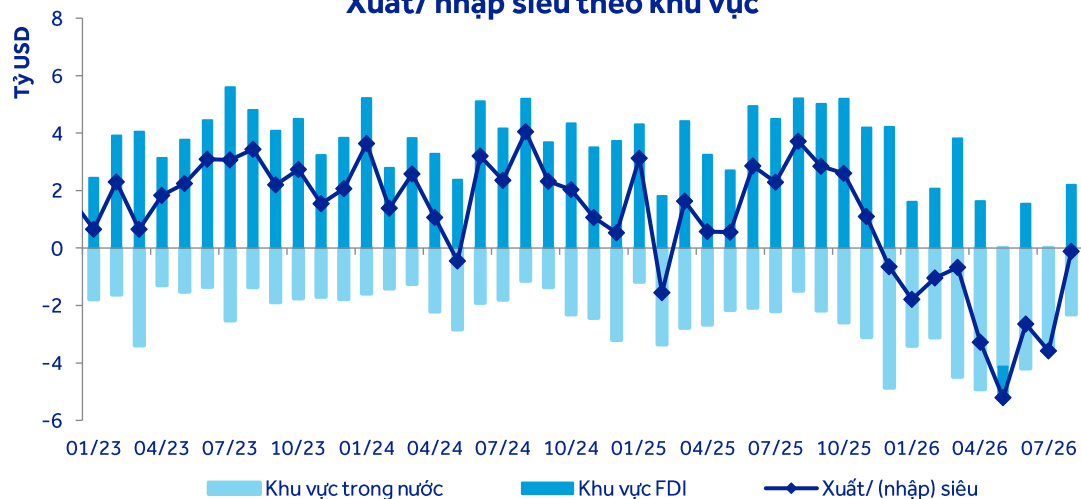
- **Hoạt động xuất khẩu của Việt Nam tăng tốc trong năm 2026, nhưng hoàn toàn bị áp đảo bởi nhu cầu nhập khẩu trong cùng giai đoạn.** Thâm hụt thương mại 8T2026 ở mức 20,46 tỷ USD, so với thặng dư 14,04 tỷ USD cùng kỳ năm trước.
- **Sự suy giảm này vừa phản ánh chu kỳ đầu tư mạnh, vừa cho thấy cơ cấu sản xuất kém thuận lợi hơn.** Các dự án mới và hoạt động mở rộng công suất làm nhu cầu nhập máy móc, thiết bị và đầu vào trung gian tăng trước khi công suất mới đi vào trạng thái sản xuất xuất khẩu ổn định. Nhập khẩu điện tử tăng khoảng 68,4% trong 8T2026 lên 161,63 tỷ USD, trong khi xuất khẩu điện tử tăng 51,1% lên 101,06 tỷ USD. Nhập khẩu máy móc tăng 22,0% lên 47,40 tỷ USD, còn xuất khẩu tăng 26,5% lên 47,29 tỷ USD. Do đó, đà tăng nhập khẩu một phần là chi phí đi kèm với việc mở rộng nền tảng công nghiệp, không đơn thuần phản ánh suy giảm năng lực cạnh tranh.
- **Tuy nhiên, động lực xuất khẩu vẫn phân hóa mạnh.** Khối công nghệ và hàng hóa vốn chủ yếu thuộc khu vực FDI, trong khi dệt may, giày dép, gỗ và thủy sản có mức độ sử dụng lao động trong nước và tỷ trọng doanh nghiệp niêm yết cao hơn. Vì vậy, mức tăng khoảng 22,4% của tổng xuất khẩu dù tích cực song phần nào không phản ánh sự cải thiện đồng thuận của khu vực sản xuất gần trực tiếp hơn với thu nhập hộ gia đình và lợi nhuận doanh nghiệp trong nước. Trong 12 tháng gần nhất tính đến tháng 8/2026, Hoa Kỳ hấp thụ khoảng 32,4% tổng xuất khẩu của Việt Nam, trong khi riêng Trung Quốc cung cấp khoảng 41,2% tổng nhập khẩu. Cấu trúc này khiến Việt Nam đồng thời nhạy cảm với chính sách tại thị trường đầu ra Hoa Kỳ và với chi phí, xuất xứ cũng như khả năng cung ứng đầu vào từ châu Á.
- **Trong nửa cuối 2026 và năm 2027, cán cân thương mại sẽ là tín hiệu xác nhận vĩ mô.** Nếu nhập khẩu hàng hóa vốn dần ổn định trong khi đơn hàng ở các ngành thâm dụng lao động cải thiện, điều đó cho thấy công suất mới đang lan tỏa sang nhiều khu vực hơn của nền kinh tế. Ngược lại, nếu nhập khẩu tiếp tục tăng nhanh hơn trong khi dệt may và giày dép trì trệ, tăng trưởng sẽ ngày càng hẹp, phụ thuộc nhiều hơn vào đầu vào nhập khẩu và làm suy yếu bộ đệm cán cân vãng lai.

BỘ ĐỆM THẶNG DƯ DẦN THU HỢP TẠI NHÓM FDI

Tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước



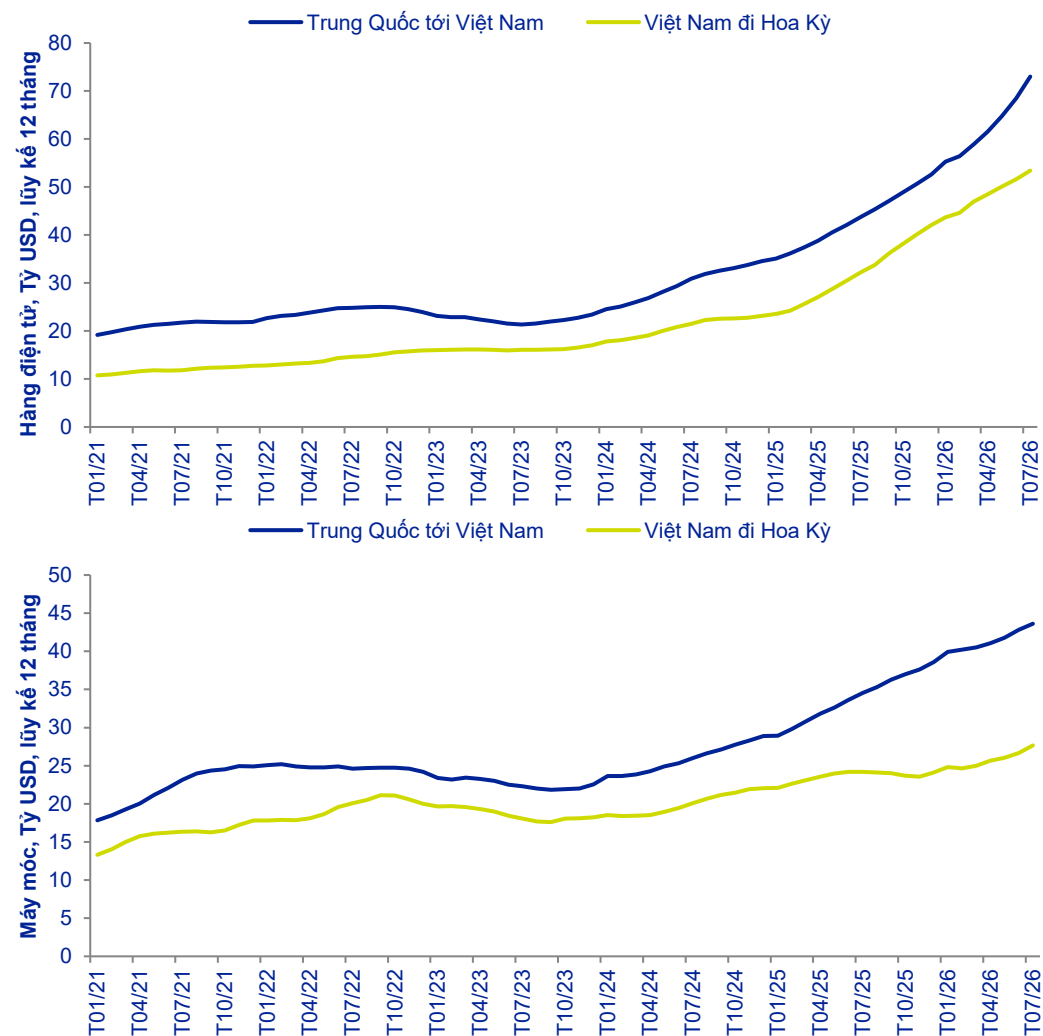
Xuất/ nhập siêu theo khu vực



Nguồn: Tổng cục Thống kê

- **Bóc tách cán cân thương mại phần nào lý giải con số thâm hụt thương mại kỷ lục trong 2026.** Trong 8T2025, khu vực FDI tạo ra thặng dư 32,07 tỷ USD, đủ bù hơn toàn bộ mức thâm hụt 18,08 tỷ USD của khu vực trong nước. Một năm sau, thặng dư FDI giảm còn 10,14 tỷ USD, trong khi thâm hụt của khu vực trong nước tăng lên 30,60 tỷ USD. Xét trên 12 tháng gần nhất tính đến tháng 8/2026, thặng dư FDI giảm từ khoảng 46,5 tỷ USD xuống 26,2 tỷ USD, còn thâm hụt khu vực trong nước nói rộng từ khoảng 26,4 tỷ USD lên 40,6 tỷ USD.
- **Dòng vốn đầu tư nước ngoài mạnh vẫn là một trụ đỡ cơ cấu.** Tổng vốn đăng ký đạt 40,63 tỷ USD trong 8T2026, tăng 55,4% so với cùng kỳ 2025, trong khi vốn FDI thực hiện tăng 12,0% lên 17,25 tỷ USD. Nếu tính vốn cấp mới và vốn điều chỉnh, riêng lĩnh vực chế biến, chế tạo nhận 20,18 tỷ USD, chiếm 59,5%; đồng thời lĩnh vực này ghi nhận 14,24 tỷ USD vốn thực hiện, tương đương 82,6% tổng vốn FDI thực hiện. Vốn đăng ký mới đạt 21,71 tỷ USD và vốn điều chỉnh tăng thêm đạt 12,21 tỷ USD.
- **Dù vậy, cơ cấu dòng vốn cho thấy không thể đánh giá bức tranh kinh tế một cách đơn giản qua con số bề nổi.** M&A và góp vốn đạt 6,70 tỷ USD, trong đó khoảng 4,15 tỷ USD không làm tăng vốn điều lệ của doanh nghiệp nhận vốn; phần làm tăng vốn điều lệ đạt khoảng 2,55 tỷ USD. Những giao dịch này làm thay đổi sở hữu nhưng không tạo ra nhu cầu ngắn hạn tương đương đối với xây dựng, thiết bị, lao động hay nhà cung cấp trong nước như một nhà máy mới. Bên cạnh đó, quốc tịch của nhà đầu tư — đặc biệt từ Singapore hay Hồng Kông — thường chỉ thể hiện tư cách pháp nhân điều phối dòng tiền hơn là nguồn gốc thực sự của chủ sở hữu cuối cùng.
- **Trong bối cảnh các quy tắc xuất xứ ngày càng bị siết chặt, chất lượng FDI sẽ ngày càng được đánh giá dựa trên “độ sâu” trong hoạt động chế biến và sản xuất.** Một nhà máy nhập thiết bị vốn, phát triển nhà cung cấp trong nước, sử dụng lao động kỹ năng cao và thực hiện quá trình chuyển đổi đáng kể sẽ củng cố vị thế đối ngoại của Việt Nam, ngay cả khi giai đoạn xây dựng ban đầu làm thâm hụt thương mại tăng lên. Ngược lại, mô hình chỉ lắp ráp cuối cùng với tỷ lệ mua hàng trong nước thấp tạo ra ít thu nhập hơn, bộ đệm cán cân vãng lai mỏng hơn và khả năng chứng minh xuất xứ Việt Nam yếu hơn. Sự khác biệt này sẽ quyết định giá trị tương đối của khu công nghiệp, các nút logistics và hệ sinh thái nhà cung cấp nhiều hơn con số vốn FDI đăng ký tổng thể. **Điều này phần nào cũng lý giải động lực đẩy mạnh tỷ lệ nội địa hóa của Việt Nam đối với một số mặt hàng chủ lực đạt bình quân 40-45% từ 2026 đến 2030; tiêu biểu là ngành cơ khí chế tạo cần phải đạt 40%, ngành ô tô cần đạt khoảng 30%.**

TRỌNG TÂM CHÍNH SÁCH ĐANG CHUYỂN TỪ NƠI XUẤT HÀNG SANG NƠI GIÁ TRỊ KINH TẾ ĐƯỢC TẠO RA



Nguồn: Tổng cục Thống kê, FiinX

- **Lập luận của Hoa Kỳ về trung chuyển và lẩn tránh thuế xuất phát từ chênh lệch thuế quan lớn giữa hàng Trung Quốc và hàng từ các nước thứ ba.** Chênh lệch này có thể dẫn tới ba kết quả: hoạt động sản xuất thực sự được dịch chuyển sang quốc gia mới; hàng hóa trải qua quá trình chuyển đổi đáng kể hợp pháp tại quốc gia mới; hoặc chỉ được dán nhãn lại và gia công tối thiểu. USTR và Hải quan Hoa Kỳ vì vậy ngày càng tập trung vào nơi giá trị thực sự được tạo ra, độ sâu của quá trình chế biến, cũng như mức độ nhất quán giữa hồ sơ nhà cung cấp, sản phẩm và xuất xứ.
- **Các ước tính hiện cho thấy biên độ chênh lệch lớn.** Báo cáo tháng 8 của Nhà Trắng về trung chuyển (The Great Transshipment Scam) dẫn chứng các đánh giá từ khoảng 40 tỷ USD đến 303 tỷ USD, với một số ước tính trung gian quanh 60–75 tỷ USD. Biên độ quá rộng để có thể mô tả chính xác quy mô thương mại bất hợp pháp, nhưng đủ cho thấy vấn đề này đang được ưu tiên cao trong chính sách. Hải quan Hoa Kỳ đang mở rộng phân tích dựa trên phát hiện bất thường; đồng thời, Hoa Kỳ và Việt Nam đã tổ chức hội thảo chung về chống trung chuyển và gian lận thương mại tại Hà Nội vào cuối tháng 7.
- **Dữ liệu lịch sử giải thích vì sao điện tử vẫn là trọng tâm của hoạt động xác minh xuất xứ, dù nhiều ngành hàng hiện được miễn thuế.** Trong 12 tháng tính đến tháng 8/2026, Việt Nam nhập khoảng 78,7 tỷ USD điện tử từ Trung Quốc và xuất khoảng 54,7 tỷ USD sang Hoa Kỳ. Hai luồng lần lượt tăng khoảng 73% và 62% so với 12 tháng trước, trong khi chênh lệch giữa hai luồng mở rộng lên khoảng 23,9 tỷ USD. Với máy móc, nhập khẩu từ Trung Quốc đạt khoảng 44,3 tỷ USD so với 28,5 tỷ USD xuất khẩu sang Hoa Kỳ, tạo chênh lệch khoảng 15,8 tỷ USD; nhập khẩu máy móc từ Trung Quốc tăng khoảng 26%, so với mức tăng khoảng 18% của xuất khẩu sang Hoa Kỳ.
- **Trung Quốc không phải nhà cung cấp thượng nguồn duy nhất của Việt Nam.** Hàn Quốc và Đài Loan cung cấp thêm khoảng 127,1 tỷ USD hàng nhập khẩu trong cùng giai đoạn 12 tháng, đưa tổng tỷ trọng của Trung Quốc–Hàn Quốc–Đài Loan lên khoảng 64,0% tổng nhập khẩu. Cấu trúc này phản ánh chuỗi cung ứng khu vực sâu và hoàn toàn có thể phù hợp với hoạt động sản xuất thực tế, nhưng đồng thời làm tăng yêu cầu phải chứng minh rõ mức độ chuyển đổi diễn ra tại Việt Nam. Rủi ro thực thi cao nhất nằm ở những ngành mà tỷ lệ đầu vào nhập khẩu tăng nhanh, mức độ gia công hạn chế và hồ sơ sản xuất không thể đối chiếu hợp lý giữa nguyên liệu đầu vào và sản lượng đầu ra. Điểm yếu do đó không nằm ở việc mua đầu vào từ Trung Quốc; điểm yếu nằm ở việc không chứng minh được giá trị gia tăng đủ lớn tại Việt Nam.

MỨC THUẾ HIỆN HÀNH VÀ CÁC ĐỢT ĐIỀU TRA CHƯA KẾT THÚC TẠO RA RỦI RO GIỮA CÁC NGÀNH TƯƠNG ĐỐI KHÁC NHAU



MỨC ĐỘ PHƠI NHIỄM RỦI RO THEO NGÀNH VÀ DOANH NGHIỆP

➤ **Cơ chế xử lý liên quan đến lao động cưỡng bức và điều tra dư thừa công suất nên được đánh giá rủi ro một cách riêng biệt.** Dệt may, giày dép và thủy sản thuộc nhóm chịu tác động chi phí tức thì đối với quy định thuế hiện hành. Ngược lại, máy móc, thiết bị điện, nhựa, kim loại và một số nhóm điện tử có rủi ro lớn hơn từ vụ điều tra chưa kết thúc, bởi tốc độ mở rộng công suất nhanh, mức độ thâm nhập thị trường Hoa Kỳ và phụ thuộc vào nguồn cung thượng nguồn từ châu Á phù hợp hơn với mối quan ngại chính sách hiện tại. Gỗ và đồ nội thất nằm giữa hai nhóm: tác động trước mắt phụ thuộc vào cách phân loại theo Mục 232, trong khi rủi ro xuất xứ phụ thuộc vào việc quá trình chế biến tại Việt Nam có đủ thực chất hay không.

Ngành	XK sang Mỹ 8T26 (tỷ USD)	Mỹ / XK ngành	Tăng trưởng XK sang Mỹ	Chỉ báo nguồn cung Trung Quốc	Đánh giá mức độ rủi ro
Máy tính và điện tử	38,73	38,3%	+48,4%	36,7%	Mức chịu tác động trực tiếp từ Mục 301 về lao động cưỡng bức thấp đến trung bình; rủi ro cao về xuất xứ và chính sách đang chờ kết luận.
Máy móc và thiết bị	19,60	41,5%	+29,0%	64,5%	Tác động hiện tại ở mức trung bình; rủi ro cao từ điều tra dư thừa công suất và chính sách xuất xứ.
Dệt may	12,42	46,2%	+2,9%	63,4–70,2% ở các đầu vào chính	Mức chịu thuế trực tiếp cao; rủi ro kiểm tra nguồn cung và xuất xứ ở mức cao.
Điện thoại và linh kiện	8,62	18,9%	+14,5%	81,1%	Tác động trực tiếp thấp đến trung bình; rủi ro giám sát chuỗi cung ứng cao.
Giày dép	6,46	39,9%	+6,4%	Liên kết thượng nguồn cao	Mức chịu tác động trực tiếp cao, cần xác nhận ở cấp mã HTS.
Gỗ và sản phẩm gỗ	5,91	50,1%	-4,7%	37,6%	Cách áp dụng Mục 301/232 phân hóa; rủi ro xuất xứ cao.
Đồ chơi và dụng cụ thể thao	3,49	51,9%	-6,7%	n.a.	Khả năng chịu tác động trực tiếp cao; cần hoàn tất đối chiếu mã HTS.
Sản phẩm nhựa	2,80	50,6%	+14,2%	64,6%	Tác động trực tiếp trung bình đến cao; rủi ro cao từ chính sách dư thừa công suất.
Túi xách, ví và hành lý	1,55	46,4%	+17,9%	Liên kết cao với đầu vào dệt may và da	Khả năng chịu tác động trực tiếp cao; rủi ro nguồn cung dệt may/da ở mức cao.
Dây và cáp điện	1,47	40,0%	+50,6%	67,6%	Tác động hiện tại ở mức trung bình; chỉ báo phụ thuộc nguồn cung Trung Quốc rất cao.
Thủy sản	1,25	15,7%	+1,5%	10,1%	Mức chịu tác động trực tiếp cao; ngoài ra còn có rủi ro phòng vệ thương mại theo sản phẩm/doanh nghiệp.
Sản phẩm sắt thép	1,22	31,6%	+21,3%	75,1%	Mức tăng thêm do Mục 301 về lao động cưỡng bức thấp hơn ở các dòng hàng đã thuộc Mục 232; rủi ro cao từ chính sách dư thừa công suất.

Nguồn: GSO, FiinX.
*Tỷ trọng hàng nhập khẩu từ Trung Quốc trong tổng nhập khẩu của Việt Nam ở nhóm hàng GSO tương ứng. Đây chỉ là chỉ báo sàng lọc chuỗi cung ứng, không đo lường giá trị gia tăng Trung Quốc hàm chứa trong hàng xuất khẩu sang Hoa Kỳ và không phải bằng chứng về trung chuyển.

MỨC THUẾ HIỆN HÀNH VÀ CÁC ĐỢT ĐIỀU TRA CHƯA KẾT THÚC TẠO RA RỦI RO GIỮA CÁC NGÀNH TƯƠNG ĐỐI KHÁC NHAU



MỨC ĐỘ PHƠI NHIỄM RỦI RO THEO NGÀNH VÀ DOANH NGHIỆP

- **Danh sách doanh nghiệp niêm yết chỉ phản ánh một phần hệ sinh thái xuất khẩu của Việt Nam; các công bố ở cấp doanh nghiệp cho thấy mức độ chịu thuế có thể khác biệt đáng kể ngay trong cùng một ngành.** Dữ liệu hiện có cho thấy TNG vẫn phụ thuộc thị trường Hoa Kỳ nhiều hơn TCM, dù chưa có số liệu 2026 cùng chuẩn để so sánh trực tiếp. FMC vừa có mức phụ thuộc đáng kể vào Hoa Kỳ, vừa đang chịu gánh nặng từ các biện pháp phòng vệ thương mại; VHC tạo ra khoảng một phần ba doanh thu tháng 6 từ thị trường Hoa Kỳ; trong khi GDT kỳ vọng tỷ trọng Hoa Kỳ tăng lên khi đơn hàng từ Costco mở rộng. Ở cấp doanh nghiệp, các biến số quan trọng nhất gồm khả năng chia sẻ chi phí thuế với khách hàng, biên lợi nhuận dự phòng, dịch chuyển đơn hàng, khả năng truy xuất đầu vào và cách áp thuế theo từng mã HTS cụ thể.
- **Tuy nhiên, cơ chế truyền dẫn có thể vượt ra khỏi phạm vi các doanh nghiệp xuất khẩu trực tiếp.** Nếu cú sốc đủ rộng để ảnh hưởng toàn bộ khu vực sản xuất, tác động đầu tiên sẽ đi qua đơn hàng, quỹ lương và dòng tiền của nhà cung cấp; sau đó lan sang cán cân thương mại và tỷ giá USD/VND, trước khi ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng và cầu nội địa. Khu công nghiệp và logistics vẫn có nền tảng hỗ trợ dài hạn nếu dòng vốn đại diện cho sự dịch chuyển sản xuất thực chất và gia tăng tỷ lệ sản xuất tại chỗ. Ngược lại, sức hấp dẫn của các dự án sẽ suy giảm nếu chỉ tạo ra rất ít chuyển đổi trong nước và phụ thuộc chủ yếu vào chênh lệch thuế quan.

Doanh nghiệp	Chỉ báo mức độ phơi nhiễm	Đánh giá
TNG	Hoa Kỳ ước tính chiếm 43,8% doanh thu dệt may năm 2025 và khoảng 44% tổng doanh thu Q1/2026; Châu Âu khoảng 43% trong Q1/2026.	Doanh nghiệp dệt may vẫn có mức độ phụ thuộc xuất khẩu lớn, nhưng quá trình đa dạng hóa đã làm giảm mức tập trung vào thị trường Hoa Kỳ.
TCM	Hoa Kỳ chiếm 18,4% cơ cấu thị trường 5T2026; Hàn Quốc 22,9%, Nhật Bản 14,4%, Canada 7,0%.	Cơ cấu thị trường đa dạng hơn giữa Hàn Quốc, Nhật Bản và Hoa Kỳ; mức tập trung trực tiếp vào Hoa Kỳ thấp hơn.
FMC	Hoa Kỳ là thị trường lớn nhất; ước tính bên ngoài ≈50% doanh thu.	Mức tập trung thị trường cao, đồng thời chịu các biện pháp phòng vệ thương mại của Hoa Kỳ đối với tôm; đợt rà soát chống bán phá giá (AD) hiện tại của Fimex là một rủi ro bổ sung đối với lợi nhuận.
VHC	Hoa Kỳ đạt 2.463 tỷ đồng / 6.944 tỷ đồng = 35,5% doanh thu H1/2026; trong 8T2026 doanh thu tại Mỹ vẫn tăng ~5% YoY, dù riêng tháng 8 giảm 15% YoY.	Nhu cầu từ Hoa Kỳ vẫn là động lực lợi nhuận đáng kể, dù doanh nghiệp đã có mức độ đa dạng hóa địa lý tương đối tốt.
GDT	Hoa Kỳ ≈20% xuất khẩu năm 2025; ban lãnh đạo kỳ vọng 30–40% trong 2026.	Mức tập trung vào Hoa Kỳ đang tăng khi đơn hàng Costco mở rộng; mức 30–40% vẫn là dự báo.

KẾT LUẬN ĐIỀU TRA VÀ PHỤ LỤC SẢN PHẨM SẼ ĐỊNH HÌNH CỤC DIỆN THƯƠNG CHIẾN



TRIỂN VỌNG NỬA CUỐI 2026 VÀ 2027

- **Cuộc điều tra dư thừa công suất chưa kết thúc được xem là rủi ro sự kiện (event risk) quan trọng nhất, bởi phạm vi của vụ việc chống lấn trực tiếp với động lực tăng trưởng mạnh nhất trong chu kỳ xuất khẩu và đầu tư hiện nay của Việt Nam.** USTR khởi động điều tra ngày 11/3 đối với 16 nền kinh tế và hoàn tất các phiên điều trần công khai trong tháng 5. Tính đến ngày 14/09, chưa có kết luận hay biện pháp khắc phục nào được công bố.
- **Các yếu tố cần theo dõi:**
 - Trước hết là phạm vi pháp lý: USTR có đưa ra kết luận bất lợi đối với Việt Nam hay không, và biện pháp xử lý sẽ là thuế quan, kết quả đàm phán hay hoãn áp dụng. Tiếp theo là phạm vi sản phẩm: cách xử lý điện tử, máy móc, dây cáp, nhựa, kim loại và các nhóm hàng đang được miễn trừ. Thứ ba là cơ chế cộng dồn: biện pháp mới tương tác như thế nào với Mục 232 cũng như thuế chống bán phá giá hoặc chống trợ cấp ở cấp sản phẩm. Cuối cùng là cách quản lý xuất xứ: ngưỡng giá trị gia tăng, yêu cầu hồ sơ, quy trình xác minh và cường độ thực thi.
 - Tác động thực tế đến nền kinh tế sẽ được xác nhận lần lượt qua các mắt xích theo trình tự cụ thể. Đơn hàng xuất khẩu và mức sử dụng công suất nhà máy sẽ cho thấy khách hàng Hoa Kỳ hấp thụ, chia sẻ hay chuyển hướng chi phí thuế. Nhập khẩu thiết bị và đầu vào trung gian cho biết quá trình mở rộng FDI có tiếp diễn hay không. So sánh vốn đăng ký mới với vốn điều chỉnh, vốn FDI thực hiện trong lĩnh vực sản xuất và các thương vụ M&A chỉ thay đổi sở hữu sẽ giúp phân biệt công suất sản xuất thực với con số đăng ký danh nghĩa. Cán cân thương mại và USD/VND cho thấy bộ đệm đối ngoại có được tái tạo hay không; trong khi việc làm sản xuất, tiền lương và chất lượng tài sản ngân hàng phản ánh mức độ truyền dẫn vào nền kinh tế trong nước.
- **Đánh giá chung:** Mức thuế đã thực thi hiện chưa đủ cơ sở để tạo sức ép lên đà tăng trưởng chung của nền kinh tế. Tác động trực tiếp vẫn tập trung ở một số nhóm ngành và khối công nghệ vốn đang thuộc danh sách được miễn trừ. Rủi ro nằm ở khả năng biện pháp hiện tại trở thành lớp đầu tiên của một chế độ thực thi rộng hơn trong bối cảnh tăng trưởng Việt Nam ngày càng phụ thuộc vào sản xuất FDI có cường độ nhập khẩu cao. Vì vậy, điều quan trọng nhất không phải thêm một thay đổi nhỏ ở mức thuế, mà là liệu USTR có bắt đầu đánh thuế hoặc hạn chế cấu trúc sản xuất nối đầu vào châu Á – sản xuất tại Việt Nam – cầu cuối cùng tại Hoa Kỳ hay không.

Kịch bản	Điều kiện	Cơ chế truyền dẫn
Tác động cục bộ hoặc không phát sinh biện pháp gia tăng đáng kể	Việt Nam được đưa vào danh mục miễn trừ, chỉ chịu tác động trên danh mục sản phẩm hạn chế, hoặc đạt được thỏa thuận khả quan thông qua đàm phán.	Tác động từ đợt áp thuế 12,5% chỉ dừng lại ở quy mô hẹp. Việc chính sách được làm rõ sẽ giải tỏa tâm lý chờ đợi, củng cố dòng đơn hàng và giảm thiểu bù rủi ro từ chính sách thương mại.
Áp dụng biện pháp xử lý theo từng ngành cụ thể	Phụ lục danh mục sản phẩm mở rộng sang các nhóm hàng máy móc, thiết bị điện, nhựa, kim loại hoặc một số phân khúc công nghệ chọn lọc.	Cú sốc lan sang khu vực sản xuất do FDI dẫn dắt và nhóm hàng tư liệu sản xuất. Áp lực co hẹp biên lợi nhuận, sự tái phân bổ đơn hàng và đà phục hồi chậm lại của cán cân thương mại trở thành các kênh truyền dẫn chính.
Biện pháp trừng phạt diện rộng hoặc siết chặt toàn diện	Việt Nam đối mặt với danh mục sản phẩm bị áp thuế rộng, mức thuế cao hoặc bị siết chặt các điều kiện về quy tắc xuất xứ trên hàng loạt chuỗi sản xuất công nghiệp.	Rủi ro chuyển hóa thành bài toán mang tính hệ thống ở cấp độ vĩ mô, tác động trực tiếp đến quyết định giải ngân FDI, tình hình việc làm, cán cân tài khoản hiện hành, áp lực tỷ giá USD/VND và chất lượng tín dụng.

Liên hệ

Trụ sở chính

Tầng 3, Tòa nhà Léman, 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Xuân Hòa, TP.HCM
Tel: (+84 28) 7300 7000 Fax: (+84 28) 7300 375
Website: www.acbs.com.vn

PHÒNG PHÂN TÍCH & CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG

Email: research.gr@acbs.com.vn
trangdm@acbs.com.vn
tuandt@acbs.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

10 Phan Chu Trinh, Phường Cửa Nam, Hà Nội
Tel: (+84 24) 3942 9396

KHOİ KHÁCH HÀNG ĐỊNH CHẾ

Trưởng phòng khối khách hàng định chế
Chu Thị Kim Hương
(+84 28) 7300 7000 (x1083)
huongctk@acbs.com.vn
groupis@acbs.com.vn

Giám đốc Xử lý giao dịch KHĐC
Nguyễn Trần Như Huỳnh
(+84 28) 7300 6879 (x1088)
huynhntn@acbs.com.vn

Khuyến cáo

Vui lòng nhấp vào [đây](#) để xem toàn văn Khuyến cáo, bao gồm: **Xác nhận của chuyên viên phân tích, Công bố thông tin quan trọng, Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm.**

Trường hợp liên kết phía trên không hoạt động, vui lòng truy cập trực tiếp tại:

https://acbs.com.vn/acbsmedia/2026/07/KhuyenCao_VI.pdf